

Số: 2214/NSHN-KHĐT

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2021

V/v: Báo cáo công bố thông tin
năm 2020 và năm 2021 theo
NĐ 47/2021/NĐ-CP

Kính gửi: - UBND Thành phố Hà Nội
- Bộ Kế hoạch và đầu tư

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp thay thế cho Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước. Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội trân trọng báo cáo UBND Thành phố Hà Nội, Bộ Kế hoạch đầu tư về việc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp năm 2020 và năm 2021.

Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện bổ sung số liệu năm 2020 và năm 2021 theo mẫu biểu của NĐ 47/2021/NĐ-CP bao gồm:

- Thông tin cơ bản về doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh năm 2021
- Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020;
- Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao năm 2020;
- Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của doanh nghiệp năm 2020.

Các thông tin trên đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị (**Website: hawacom.vn**) và công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước theo đúng quy định.

(Chi tiết tại các biểu mẫu kèm theo văn bản này)

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội trân trọng báo cáo./.

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Nơi gửi:
- Như trên
- Sở Tài chính
- Sở Kế hoạch đầu tư
- Ban TGD C.ty
- Lưu: P.KHĐT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2021

THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA
CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
(kèm theo Công văn số 2114/NSHN-KHĐT)

- Tên viết tắt : **CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**
- Tên giao dịch tiếng Anh : **HANOI WATER LIMITED COMPANY**
- Tên viết tắt tiếng Anh : **HAWACO Co.,Ltd**
- Trụ sở chính : 44 Đường Yên phụ – Ba đình – Hà nội
- Điện thoại : 04.38 293 179
- Đường dây nóng: 19004600
- Website : www.hawacom.vn
- Email: nuocsachhn44@gmail.com
- Công ty TNHH một thành viên nước sạch Hà Nội có 100% vốn Nhà nước, trực tiếp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn Nhà nước đầu tư vào các công ty thành viên, Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và điều lệ của Công ty đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt.
- Công ty chịu sự quản lý trực tiếp và toàn diện về của chủ ở hữu: Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, và quản lý Nhà nước chuyên ngành theo quy định pháp luật.

(Ban hành kèm theo Công văn số 2214/NSHN-KHĐT)

Hà Nội, ngày 11 tháng 09 năm 2021

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm

BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chính		
	Sản lượng nước sản xuất	M3	200.490.646
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)	-	-
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.760
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	157
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	129
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	253
7	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	771
8	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Tỷ đồng	-
9	Các chỉ tiêu khác		-

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp: Công ty Nước sạch Hà Nội không thực hiện dự án nhóm B trở lên trong năm 2021.

(Ban hành kèm theo Công văn số 2214/NSHN-KHĐT)

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu
----	----------	-----	----------	-------------------	---

					có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
	Tổng sản lượng nước sản xuất	M3	234.196.323	226.329.160	247.088.637
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.749	1.644	2.086
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	153	155	172
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	128	128	141
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	255	256	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (Nếu có)	Tỷ đồng	0	0	0
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	M3	234.196.323	226.715.962	
8	Tổng số lao động	Người	2.163	1.975	2.486
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	232	222	292
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	2	2	4
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	230	220	288

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm 2020.

2.1. Thuận lợi:

- Công ty Nước sạch Hà Nội luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ và sự chỉ đạo sát sao của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, UBND Thành phố Hà Nội, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Hà Nội và các Sở, Ban ngành trong lĩnh vực bảo đảm sản xuất cấp nước và phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố.

- Hệ thống mạng lưới cấp nước tiếp tục được phát triển mở rộng, năm 2020 Công ty tiếp nhận quản lý cấp nước cho khu Công nghệ cao Hòa Lạc. Tiếp tục phát

triển khách hàng khu vực ngoại thành các huyện Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn, Mê Linh, Thanh Trì. Đồng thời các dự án cải tạo mạng hoàn thành trong năm phát huy hiệu quả, đã tác động nâng cao được dịch vụ cấp nước, tỷ lệ bao phủ cấp nước và cơ bản giữ được tỷ lệ nước thu tiền trong điều kiện nâng cao áp lực cấp nước.

- Các giải pháp ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý sản xuất, công tác thu tiền nước trực tuyến, hoàn chỉnh dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 nâng dần lên cấp độ 4 đã góp phần tích cực giảm thiểu ảnh hưởng của dịch Covid – 19 bảo đảm cho hoạt động ổn định sản xuất cấp nước của Công ty.

- Sự đoàn kết nhất trí và quyết tâm cao của Đảng ủy, Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc Công ty và toàn thể Đảng viên, CBCNV vì mục tiêu phát triển chung của Công ty và Thủ đô đã là động lực cho sự quyết tâm vượt qua khó khăn, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và các chỉ tiêu kinh tế xã hội mà UBND Thành phố giao cho Công ty năm 2020.

2.2. Khó khăn:

- Do tác động ảnh hưởng của dịch Covid – 19 và thời gian giãn cách xã hội phòng chống dịch đã tác động mạnh mẽ đến sụt giảm doanh thu liên quan đến sụt giảm nhu cầu sử dụng nước, cơ cấu giá thu tiền nước, đặc biệt là nhu cầu sử dụng nước của khối nhà hàng, khách sạn, kinh doanh dịch vụ, xây dựng, trường học...

- Việc thực hiện lộ trình giảm khai thác nước ngầm theo Quy hoạch đã tác động tăng chi phí sản xuất và chi phí mua buôn nguồn nước mặt.

- Giá nước sạch từ năm 2013 đến nay chưa được điều chỉnh do bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội chung trong điều kiện phòng chống dịch đã gây khó khăn trong công tác chi phí duy tu, duy trì, đầu tư xây dựng phát triển hệ thống cấp nước của Công ty.

- Công tác giải phóng mặt bằng, cải tạo mở rộng các đường vành đai giao thông hạ tầng kỹ thuật của Thành phố đã tác động ảnh hưởng đến rủi ro an toàn mạng lưới cấp nước và thất thoát nước sạch.

Với sự chỉ đạo tổ chức thực hiện quyết liệt của Ban Lãnh đạo từ Đơn vị đến Công ty, cùng sự cố gắng của tập thể CBCNV lao động. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty năm 2020 cơ bản đạt được mục tiêu kế hoạch và hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế Thành phố giao.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

2. Các khoản đầu tư tài chính: Trong năm 2020, Công ty Nước sạch Hà Nội đã đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư tài chính như sau:

STT	Danh sách	Giá trị vốn góp (tính đến thời điểm 31/12/2020).
I. Công ty con	1. Công ty CP Nước sạch số 2 Hà Nội	548.914
II. Công ty liên kết	1. Công ty CP Viwaco	37.924
	2. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội	2.000
	3. Công ty CP nước mặt sông Hồng	46.482
	4. Công ty CP Tháp nước Hà Nội	59.340
III. Đầu tư tài chính		1.059.951

**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH
TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ: Không có									

2	Công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội	568	548	1.309	452	16,7	13,3	-	42,9	727

**Biểu số 4: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH
VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2020**
(Ban hành kèm theo Công văn số 221/VNSHN-KHĐT)

CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MST: 0100106225 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2021

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm (nước sạch)	M3	252.890.651	247.088.637	97,71%
2	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Trđ	1.470.262	1.412.309	96%
3	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Trđ	1.714.627	1.606.642	94%

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.

- 100% các nhà máy, trạm sản xuất nước được cấp phép khai thác nước, xả thải theo quy định và thực hiện đúng quy định về đảm bảo sản lượng nước khai thác và bảo vệ môi trường.
- Kê khai nộp đầy đủ phí bảo vệ môi trường, phí xả thải công nghiệp, bảo vệ rừng, phí cấp quyền khai thác,... và không có nợ đọng.
- Đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh tại các cơ sở sản xuất, làm việc của Công ty.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.

- Đảm bảo cấp nước cho 100% người dân các quận nội thành, trên 80% người dân huyện ngoại thành Công ty quản lý cấp nước với tiêu chuẩn cấp nước đạt 70 – 130 lít/người/ngày góp phần ổn định an ninh, trật tự, phát triển kinh tế xã hội Thủ đô Hà Nội.

- Thu nộp ngân sách Nhà nước 256 tỷ, không có nợ đọng.

- Tham gia tích cực các phong trào thi đua, ủng hộ nhân đạo... do Thành phố, Trung Ương phát động.

3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp.

- Các hoạt động cung cấp dịch vụ đều được Công ty lựa chọn ký hợp đồng đảm bảo năng lực đáp ứng nhu cầu của hai bên. Quá trình tổ chức thực hiện hợp đồng không có sự tranh chấp, khiếu kiện, nợ đọng.

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.

- Chất lượng nước của Công ty Nước sạch Hà Nội tại các nhà máy nước, trạm sản xuất luôn đảm bảo Quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT.

- 100% khách hàng sử dụng nước được ký hợp đồng sử dụng theo nguyên tắc hợp đồng mẫu được Sở Công thương Hà Nội thông qua.

- Trong năm không có khiếu kiện, bồi hoàn liên quan đến chất lượng nước sạch.

5. Quan hệ tốt với người lao động.

- 100% người lao động được ký Hợp đồng lao động, bố trí đủ công ăn việc làm, có thu nhập lương và đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp... hàng tháng theo quy định, không có nợ đọng.

- Thực hiện các chế độ chính sách lao động, nghỉ ngơi... bảo đảm theo Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động Công ty.

- Công ty thường xuyên đầu tư, quan tâm cải thiện nâng cao cơ sở vật chất làm việc và cập nhật hoàn thiện các quy định quản lý Công ty tạo mọi điều kiện cho người lao động phát triển, gắn bó có trách nhiệm với Công ty.

6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp

- Năm 2020, Công ty Mẹ hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Thành phố giao, được UBND Thành phố đánh giá xếp loại A. Lợi nhuận được phân bổ 3 quỹ (Đầu tư phát triển, Khen thưởng, Phúc lợi) theo quy định và Công ty thực hiện chi sử dụng cho người lao động theo quy chế Công ty xây dựng ban hành.

- Công ty con (Công ty CP Nước sạch số 2 HN) năm 2020 hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên. Cổ tức được chia đến cổ đông theo đúng quy định, không có nợ đọng.

(Ban hành kèm theo Công văn số 2214/NSHN-KHĐT)

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2021

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	1253/VP-ĐT	13/02/2020	v/v Kế hoạch đầu tư đầu nối, bổ sung, cải tạo mạng lưới cấp nước, nâng cấp các nhà máy nước đảm bảo kết nối mạng vòng, cấp nước an toàn, an ninh nguồn nước, giảm dần khai thác nước ngầm theo quy hoạch thuộc phạm vi Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội
2	1409/QĐ-UBND	08/04/2020	Quyết định về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2020 của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội
3	4433/QĐ-UBND	02/10/2020	Quyết định bổ nhiệm cán bộ bà Đặng Thu Hải giữ chức vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội
4	4434/QĐ-UBND	02/10/2020	Quyết định bổ nhiệm cán bộ bà Nguyễn Mai Phương giữ chức vụ Kiểm soát viên chuyên trách Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà

			Nội
5	4435/QĐ-UBND	02/10/2020	Quyết định bổ nhiệm cán bộ bà Hoàng Thị Thủy giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội
6	4438/ QĐ-UBND	02/10/2020	Quyết định bổ nhiệm cán bộ ông Trần Xuân Cương giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội
7	28/2020/QĐ-UBND	19/11/2020	Quyết định về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả hoạt động của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội do Nhà nước nắm 100% vốn điều lệ thuộc UBND Thành phố Hà Nội

II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Danh sách người quản lý doanh nghiệp: liệt kê thông tin cụ thể theo Bảng số 2.

BẢNG SỐ 2: DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
1	Ông Nguyễn Bảo Vinh	1964	Kỹ sư Cấp thoát nước		Phó Giám đốc XN; Giám đốc XN; Phó Tổng Giám đốc Công ty; Tổng Giám đốc Công ty; Chủ tịch Hội đồng thành viên
2	Ông Trần Quốc Hùng	1963	Kỹ sư Cấp thoát nước		Trạm trưởng; Phó giám đốc XN; Giám đốc XN; Phó giám đốc Công ty; Phó Tổng Giám đốc Công ty; Thành viên Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc
3	Bà Hoàng Thị Thủy	1970	Cử nhân Kinh tế		Phó phòng Công ty; Kiểm soát viên chuyên trách; Thành viên Hội đồng

4	Ông Đặng Ngọc Hải	1968	Kỹ sư điện tử - Tin học	Giám đốc NMN; Giám đốc XN; Trưởng phòng Công ty; Phó Tổng giám đốc
5	Ông Trương Tiên Hưng	1967	Kỹ sư cơ khí; Kỹ sư Cấp thoát nước	Phó phòng Công ty; Giám đốc XN; Trưởng phòng Công ty; Phó Tổng giám đốc
6.	Ông Trần Xuân Cương	1974	Cử nhân kinh tế	Phó giám đốc XN; Giám đốc XN; Phó Tổng giám đốc
7.	Ông Đỗ Phương Nam	1978	Cử nhân Luật; Cử nhân Kinh tế; Thạc sĩ Kinh tế	Phó phòng Công ty ; Trưởng phòng Công ty ; Kế toán trưởng

2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người quản lý doanh nghiệp.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của từng người quản lý doanh nghiệp theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương	Hệ số	Tiền lương/năm	Tiền thưởng, thu nhập khác
1	Nguyễn Bảo Vinh	Chủ tịch HĐQT	29.239.200	7.78	350.870.400	25.866.319
2	Trần Quốc Hùng	Tổng Giám đốc	28.296.000	7.45	339.552.000	
3	Hoàng Thị Thủy	Thành viên HĐQT	25.466.400	7.3	305.596.800	
4	Đặng Ngọc Hải	Phó Tổng Giám đốc	25.466.400	7.3	305.596.800	78.620.000
5	Trương Tiên Hưng	Phó Tổng Giám đốc	25.466.400	6.97	305.596.800	36.119.112

6	Trần Xuân Cương	Phó Tổng Giám đốc	25.466.400	6.97	76.399.200	
7	Đỗ Phương Nam	Kế toán trưởng	23.580.000	6.97	282.960.000	31.416.493

3. Hoạt động của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản... theo Bảng số 4.

BẢNG SỐ 4: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	544/HĐTV-NSHN	18/03/2020	Chủ tịch HĐQT Nguyễn Bảo Vinh	Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế từ kết quả hoạt động SXKD năm 2019
2	699/HĐTV-NSHN	04/04/2020	Chủ tịch HĐQT Nguyễn Bảo Vinh	Điều chỉnh phân phối lợi nhuận sau thuế từ kết quả hoạt động SXKD năm 2019
3	1194/HĐTV-NSHN	12/06/2020	Chủ tịch HĐQT Nguyễn Bảo Vinh	Nghị quyết Hội đồng thành viên
4	1329/HĐTV-NSHN	27/06/2020	Chủ tịch HĐQT Nguyễn Bảo Vinh	Phê duyệt quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2019
5	2025/HĐTV-NSHN	08/09/2020	Chủ tịch HĐQT Nguyễn Bảo Vinh	Phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty Nước sạch Hà Nội
6	2048/HĐTV-NSHN	12/09/2020	Chủ tịch HĐQT	Phê duyệt quỹ tiền lương năm 2020

	NSHN		Nguyễn Bảo Vinh	
7	2512/HĐTV	12/11/2020	Chủ tịch HĐTV Nguyễn Bảo Vinh	Thống nhất chủ trương xây dựng Kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2026.

III. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

1. Thông tin về Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

BẢNG SỐ 5: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Mai Phương	1981	Thạc sỹ kinh tế	Kiểm soát viên chuyên trách	02/10/2020	100%
2	Đặng Thu Hải	1974	Thạc sỹ kinh tế	Kiểm soát viên	02/10/2020	100%

2. Các báo cáo của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	188/BC-KSV-NSHN	21/01/2020	Báo cáo hoạt động của KSV quý IV/2019 và năm 2019
2		21/01/2020	Chương trình công tác năm 2020 của KSV Công ty
3		25/03/2020	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của KSV năm 2019
4		02/04/2020	Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019
5	779/BC-KSV-NSHN	20/04/2018	Báo cáo hoạt động của KSV quý I/2020
6		02/07/2020	Báo cáo thẩm định Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2019
7		21/07/2020	Báo cáo hoạt động của KSV 06 tháng đầu năm 2020
8	2412/NSHN-KSV	30/10/2020	Báo cáo hoạt động của KSV 09 tháng đầu năm 2020

IV. BÁO CÁO KẾT LUẬN CỦA CƠ QUAN THANH TRA (không có)

V. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách Người có liên quan của doanh nghiệp.

BẢNG SỐ 6: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Chức vụ (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do không còn là người liên quan
1	Công ty CP Nước sạch số 2 Hà Nội		19 Nguyễn Văn Linh, Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội			
2	Công ty CP ĐTXD Hạ tầng Nước sạch Hà Nội		01 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội			
3	Công ty CP Nước mặt sông Đuống		Số 452 Đ. Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội			

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

BẢNG SỐ 7: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

1	Công ty CP Nước sạch số 2 Hà Nội		Bán buôn nước sạch (có VAT)	96.599.396.762	Số: 103/HĐTV-NSHN ngày 16/01/2021 v/v Phê duyet Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021
2	Công ty CP ĐTXD Hạ tầng Nước sạch Hà Nội		Công ty Hạ tầng mua từ Công ty NSHN (có VAT)	55.512.027	
3	Công ty CP Nước mặt sông Đuống		Mua buôn nước sạch (có VAT)	83.846.274.968	

VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tổng số lao động của doanh nghiệp: 1.975 người
- Mức lương trung bình người lao động/năm: 9.102.665 đồng/người/tháng
- Tiền thưởng, thu nhập khác của người lao động/người/năm: 3.029.000 đồng/người/tháng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Hà nội, tháng 1/2012

Số: 414 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động
của Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội
hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ về
chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH một thành viên và tổ chức quản
lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/8/2010 của Bộ Tài chính hướng
dẫn cơ chế tài chính của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 22/01/2008 của UBND thành phố Hà
Nội về việc chuyển đổi Công ty Kinh doanh nước sạch Hà Nội sang tổ chức và hoạt
động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2236/SNV-DN ngày
23/12/2011 về việc phê duyệt và ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công
ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và
hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội gồm 12 Chương
và 62 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số
2238/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2008 của UBND thành phố Hà Nội về việc
ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Nước
sạch Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài
chính, Kế hoạch & Đầu tư, Lao động Thương binh & xã hội; Chủ tịch Hội đồng
thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội và
Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Đ/c Nguyễn Huy Tường, PCT UBNDTP;
- Ban Đổi mới & phát triển DN TP;
- Như điều 3;
- VPUB: PVP L V Giao, KT, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Tường

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON
(Ban hành kèm theo Quyết định số 414 /QĐ-UBND
ngày 18 tháng 01 năm 2012 của UBND thành phố Hà Nội)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trừ trường hợp các điều khoản của Điều lệ này quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Chủ sở hữu:** UBND thành phố Hà Nội thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Công ty.

2. **Công ty mẹ:** Là Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty).

3. Công ty thành viên của Công ty bao gồm:

a. **Công ty con:** Là Công ty do Công ty đầu tư 100% vốn Điều lệ hoặc do Công ty giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới các hình thức: Công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH có hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, các loại hình doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

b. **Công ty liên kết:** Là Công ty có vốn góp dưới mức chi phối của Công ty, tổ chức dưới hình thức Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, các loại hình doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

c. **Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Công ty:** Là công ty không có cổ phần, vốn góp của Công ty nhưng tự nguyện tham gia làm thành viên của Công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận.

4. **Đơn vị phụ thuộc:** là các đơn vị do Công ty quyết định thành lập không có pháp nhân đầy đủ, hạch toán kinh tế phụ thuộc.

5. **Vốn góp chi phối của Công ty:** Là vốn góp của Công ty chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) vốn Điều lệ của doanh nghiệp khác hoặc chiếm một tỷ lệ nhỏ hơn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

6. **Quyền chi phối:** Là quyền của Công ty (với tư cách là công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối tại công ty con hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của công ty con) quyết định đối với các chức danh

quản lý chủ chốt, việc tổ chức quản lý, thị trường, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư và các quyết định quan trọng khác của công ty con, theo quy định tại Điều lệ Công ty con hoặc theo thỏa thuận giữa Công ty với công ty con và quy định của pháp luật.

7. Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con: Là tổ hợp các doanh nghiệp bao gồm công ty mẹ và các công ty con.

8. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên và trụ sở của công ty:

1. Tên gọi sau khi chuyển đổi:

- Tên gọi đầy đủ tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**
- Tên giao dịch tiếng Việt: Công ty Nước sạch Hà Nội
- Tên giao dịch quốc tế: HANOI WATER LIMITED COMPANY.
- Địa chỉ trụ sở chính: số 44 đường Yên Phụ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 084.4.38293179; Fax: 084.4.38292069
- Website: Hawacom.com.vn
- Biểu tượng công ty:



(Màu biểu tượng: Màu xanh, màu trắng)

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân:

1. Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội được thành lập theo quyết định số 367/QĐ - UBND ngày 22/01/2008 của UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi Công ty Kinh doanh nước sạch Hà Nội sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội hoạt động theo quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu, biểu tượng, được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, tự chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của công ty.

Điều 4. Vốn điều lệ của công ty và việc điều chỉnh vốn điều lệ

1. Vốn Điều lệ:

Vốn Điều lệ của Công ty là: **1.933.000.000.000 đồng**

(Một nghìn chín trăm ba mươi ba tỷ đồng).

2. Điều chỉnh vốn Điều lệ:

a) Việc điều chỉnh vốn Điều lệ của công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định theo quy định của pháp luật.

b) Khi được điều chỉnh vốn Điều lệ công ty phải đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn Điều lệ đã điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đại diện theo pháp luật của Công ty

Người Đại diện theo pháp luật của công ty là: Tổng Giám đốc.

Điều 6. Chủ sở hữu Công ty.

1. Chủ sở hữu Công ty: UBND thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 79, phố Đinh Tiên Hoàng - phường Lý Thái Tổ - quận Hoàn Kiếm - thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng thành viên công ty là đại diện Chủ sở hữu nhà nước tại công ty.

Điều 7. Thời gian hoạt động.

1. Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội hoạt động kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Thời gian hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội do Chủ sở hữu công ty quyết định.

Điều 8. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh:

1. Mục tiêu:

a) Tối đa hoá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu Công ty đầu tư tại Công ty và vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

b) Bảo đảm việc làm cho người lao động và lợi ích của Công ty theo quy định của pháp luật.

c) Hoàn thành các nhiệm vụ khác được Chủ sở hữu Công ty giao.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

a. Ngành nghề kinh doanh chính

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Khai thác, xử lý, sản xuất, cung cấp, phân phối, kinh doanh nước sạch cho các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ.
- Xây dựng công trình cấp thoát nước và phụ trợ.
- Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình cấp thoát nước và phụ trợ.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước.
- Tư vấn, khảo sát, lập thiết kế, dự toán, thi công các công trình kỹ thuật hạ tầng kỹ

thuật đô thi cấp thoát nước và công trình phụ trợ.

- Thực hiện đầu tư tài chính vào các ngành, lĩnh vực có lợi nhuận cao để tích tụ vốn cho phát triển ngành nước.

- Xây dựng nhà các loại.

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

- Tư vấn đầu thầu: Lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Tư vấn đầu tư và xây dựng công trình:

+ Lập quy hoạch; thiết kế quy hoạch, tổng mặt bằng, kiến trúc ngành cấp thoát nước và công trình phụ trợ.

+ Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn công trình.

+ Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình.

+ Thẩm tra thiết kế, dự toán công trình.

+ Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Tư vấn quản lý dự án.

- Xây dựng công trình công ích.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

b. Ngành nghề kinh doanh ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của công ty:

- Xuất nhập khẩu sản phẩm nước giải khát, nguyên liệu, hương liệu, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ cho việc sản xuất nước giải khát.

- Kinh doanh thể thao, vui chơi giải trí và trông giữ ô tô, xe máy.

- Sản xuất đồ uống.

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

- Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước tinh khiết đóng chai và các sản phẩm nước giải khát.

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ.

- Vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô.

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

- Đầu tư liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước trong các lĩnh vực nêu trên.

- Các ngành nghề kinh doanh khác do chủ sở hữu công ty giao.

3. Phạm vi hoạt động:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nước sạch Hà Nội hoạt động trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và luật pháp Quốc tế.

Điều 9. Quản lý nhà nước đối với Công ty

Công ty chịu sự quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội:

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 11. Quyền của Công ty đối với vốn và tài sản:

1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Công ty để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Công ty.

2. Được quyền quyết định đối với vốn và tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.

3. Sử dụng và quản lý tài sản nhà nước giao, cho thuê là đất đai, tài nguyên theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên.

4. Chủ sở hữu Công ty không điều chuyển vốn nhà nước đầu tư tại Công ty và vốn, tài sản của Công ty theo phương thức không thanh toán.

5. Có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của Công ty theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các quyền khác của Công ty đối với vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền kinh doanh của Công ty

1. Tự chủ trong việc tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và bảo đảm kinh doanh có hiệu quả.

2. Kinh doanh những ngành, nghề ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước.

3. Tìm kiếm thị trường, khách hàng trong nước, ngoài nước; tổ chức ký kết và thực hiện hợp đồng.

4. Tự quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá thì theo mức giá hoặc khung giá do Nhà nước quy định.

5. Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; sử dụng vốn, tài sản của Công ty để liên doanh, liên kết, đầu tư vốn vào doanh nghiệp

khác trong nước; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty trong phạm vi tổng giá trị đầu tư tài chính của Công ty thấp hơn 50% vốn điều lệ hoặc theo phân cấp tại Điều lệ Công ty.

7. Sử dụng vốn của Công ty hoặc vốn huy động để tham gia đầu tư thành lập công ty khác thì phải được Chủ sở hữu Công ty quyết định.

8. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

9. Xây dựng, áp dụng các định mức lao động, vật tư, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, xử lý vi phạm kỷ luật, cho thôi việc đối với lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật về lao động.

11. Quyết định cử cán bộ công nhân viên Công ty đi công tác nước ngoài theo quy định của Nhà nước và Thành phố.

12. Có các quyền kinh doanh khác theo nhu cầu thị trường phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền về tài chính của Công ty

1. Huy động vốn để kinh doanh dưới các hình thức như phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu Công ty; vay vốn của tổ chức ngân hàng, tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài Công ty; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật và của Chủ sở hữu Công ty.

Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu Công ty.

2. Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty; được thành lập, sử dụng và quản lý các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Được quyết định chi phí tiền lương và các chi phí khác trên cơ sở doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

5. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh; phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước mà doanh thu không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của Công ty.

6. Được chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ; thưởng tăng năng suất lao động; thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí theo quy định của pháp luật.

7. Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư, tái đầu tư theo quy định của pháp luật.

8. Được từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

9. Thực hiện các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nghĩa vụ của Công ty về vốn và tài sản

1. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Công ty và vốn Công ty tự huy động; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi tài sản của Công ty.

2. Đánh giá lại tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác của Công ty về vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nghĩa vụ trong kinh doanh của Công ty

1. Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; bảo đảm chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

2. Đổi mới, hiện đại hoá công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

3. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, bảo đảm quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động quy định tại Chương VII của Điều lệ này.

4. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hoá, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

5. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty.

6. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu Công ty hoặc cơ quan được Chủ sở hữu uỷ quyền; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty về việc sử dụng vốn để đầu tư thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

8. Sử dụng tối thiểu 70% tổng nguồn vốn đầu tư vào các hoạt động trong các lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty. Tổng mức đầu tư ra ngoài Công ty (bao gồm đầu tư ngắn hạn và dài hạn) không vượt quá mức vốn Điều lệ của Công ty. Riêng đối với hoạt động đầu tư góp vốn vào các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, Công ty chỉ được đầu tư vào mỗi lĩnh vực một doanh nghiệp; mức vốn đầu tư không vượt quá 20% vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn, nhưng phải đảm bảo mức vốn góp của công ty mẹ và các công ty con trong Công ty không vượt quá mức 30% vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp.

9. Công ty phải xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng tài sản để xác định rõ trách nhiệm của từng khâu trong công tác quản lý; tổ chức hạch toán phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời; tổ chức kiểm kê, đối chiếu theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Chủ sở hữu; thực hiện đầu tư tài sản cố định, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại điều lệ và pháp luật.

10. Thực hiện các nghĩa vụ khác của Công ty về kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nghĩa vụ về tài chính của Công ty

1. Kinh doanh có lãi, bảo đảm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư do Chủ sở hữu Công ty giao; đăng ký, kê khai và nộp đủ thuế; thực hiện nghĩa vụ đối với Chủ sở hữu Công ty và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào công ty khác (nếu có); quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu Công ty giao, cho thuê. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản công nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được theo quy định của pháp luật.

3. Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt khác khi nhà nước yêu cầu.

4. Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Công ty.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định tại quy chế quản lý tài chính của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Công ty khi tham gia hoạt động công ích

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của Công ty quy định tại các điều 11, 12, 13, 14, 15, 16 của Điều lệ này, khi tham gia hoạt động công ích, Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trên cơ sở đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ. Đối với hoạt động công ích theo đặt hàng, giao kế hoạch của Nhà nước thì Công ty có nghĩa vụ tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ công ích đúng đối tượng, theo giá và phí do Nhà nước quy định.

2. Chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động công ích của Công ty; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ công ích do Công ty thực hiện.

3. Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong giá thực hiện thầu do Nhà nước đặt hàng hoặc giao kế hoạch.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác của Công ty theo quy định khác của pháp luật về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 18. Quyền của Chủ sở hữu

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, sáp nhập, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu Công ty; quyết định phê chuẩn nội dung, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; chấp thuận để Hội đồng thành viên quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước và nước ngoài; quyết định ngành nghề kinh doanh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Công ty trên cơ sở đề nghị của Công ty và các ngành có liên quan.

2. Phê duyệt mục tiêu, chiến lược và kế hoạch dài hạn, hàng năm của Công ty trên cơ sở đề nghị của Công ty và các ngành có liên quan.

3. Phê duyệt các phương án huy động vốn có giá trị lớn hơn vốn điều lệ của Công ty trên cơ sở đề nghị của Công ty và các ngành có liên quan.

4. Quyết định các dự án đầu tư, các hợp đồng mua, bán, cho thuê tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trên cơ sở đề nghị của Công ty và các ngành có liên quan.

5. Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị từ 50% vốn điều lệ trở lên trên cơ sở đề nghị của Công ty và các ngành có liên quan.

6. Thông qua hợp đồng vay, cho vay có giá trị lớn hơn vốn điều lệ của Công ty trên cơ sở đề nghị của Công ty và các ngành có liên quan.

7. Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác trên cơ sở đề nghị của Công ty và các ngành có liên quan.

8. Quyết định việc đầu tư, góp vốn của Công ty trên cơ sở đề nghị của Công ty và các ngành có liên quan.

9. Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất đai, tài sản của Công ty để đầu tư, góp vốn với các đối tác trong và ngoài nước để thành lập công ty khác, dự án đầu tư ra nước ngoài của Công ty trên cơ sở đề nghị của Công ty và các ngành có liên quan.

10. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, xử lý vi phạm kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên Công ty; quyết định cử người tham gia quản lý phần vốn Nhà nước tại công ty có vốn góp với đối tác nước ngoài trên cơ sở đề nghị của Công ty và các ngành có liên quan.

11. Quyết định cử Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên Công ty đi công tác nước ngoài theo đề nghị của Công ty.

12. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

13. Kiểm tra, giám sát Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên Công ty trong việc quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ giám sát Công ty; kiểm tra, giám sát quyền của Chủ sở hữu Công ty đối với các công ty con trực thuộc Công ty theo quy định của pháp luật.

14. Tổ chức kiểm tra, giám sát đối với Công ty về việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng hoạt động; việc sử dụng vốn, tài sản, tài chính; việc thực hiện tổ chức bộ máy và cán bộ theo phân cấp được quy định tại điều 31 Nghị định số 25/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ, Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

15. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành và thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu Công ty; việc thực hiện Điều lệ Công ty; các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu

1. Tuân thủ Điều lệ của Công ty.
2. Đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm của Công ty; không trực tiếp can thiệp vào hoạt động kinh doanh của Công ty, các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và bộ máy quản lý của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu Công ty được quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty.
4. Tuân theo các quy định của pháp luật về hợp đồng trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê và cho thuê giữa Công ty và Chủ sở hữu Công ty.
5. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty và các kiến nghị phê duyệt của Hội đồng thành viên theo những nội dung được quy định cụ thể tại khoản 12 Điều 20 và khoản 3 Điều 27 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ và Điều lệ này, Chủ sở hữu Công ty phải quyết định bằng văn bản phê duyệt hoặc trả lời Công ty.
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Hạn chế đối với quyền của Chủ sở hữu

1. Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn Điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác. Trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.
2. Không được rút lợi nhuận của Công ty khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
3. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty bao gồm:
 - a) Hội đồng thành viên.
 - b) Tổng giám đốc.
 - c) Các Phó Tổng giám đốc.
 - d) Kiểm soát viên.
 - e) Kế toán trưởng.
 - g) Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ.
2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức các phòng, ban, đơn vị sản xuất kinh doanh của Công ty có thể thay đổi, điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu của sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở các quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

MỤC I

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 22. Chức năng và cơ cấu của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên Công ty là cơ quan đại diện của Chủ sở hữu tại Công ty; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty theo phân cấp được quy định tại Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ, trách nhiệm về sự phát triển của Công ty theo mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu Công ty giao.

2. Hội đồng thành viên Công ty có quyền nhân danh Chủ sở hữu Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu Công ty quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

3. Hội đồng thành viên Công ty có thành viên chuyên trách và không chuyên trách do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật.

Hội đồng thành viên Công ty có ba (03) đến năm (05) thành viên do Chủ sở hữu Công ty quyết định, gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên và các thành viên Hội đồng thành viên.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thành viên

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên do Chủ sở hữu Công ty đầu tư và các nguồn lực khác.

2. Xây dựng và quyết định chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn và hàng năm của Công ty sau khi được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận. Quyết định phương án phối hợp kinh doanh của các công ty con do công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối trên cơ sở quy định của pháp luật.

3. Quyết định các dự án đầu tư, các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty sau khi được chủ sở hữu công ty chấp thuận.

4. Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài công ty trong phạm vi tổng giá trị đầu tư tài chính của Công ty thấp hơn 50% vốn điều lệ sau khi được chủ sở hữu công ty chấp thuận.

5. Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá mức vốn điều lệ của Công ty.

6. Quyết định phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý; qui chế quản lý nội bộ của Công ty và quy hoạch, đào tạo lao động. Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc công ty mẹ; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty mẹ ở trong nước và nước ngoài sau khi được chấp thuận của chủ sở hữu.

7. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, Công ty TNHH một thành viên và báo cáo tài chính hợp nhất của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

8. Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh sau khi được chấp thuận của Chủ sở hữu.

9. Quyết định đầu tư, góp vốn vào các Công ty con; sử dụng vốn của Công ty để đầu tư thành lập công ty khác phải báo cáo Chủ sở hữu quyết định.

10. Quyết định tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm thành viên liên kết của Công ty sau khi có sự chấp thuận của Chủ sở hữu Công ty.

11. Quyết định cử, thay đổi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty có vốn góp của Công ty; giới thiệu người đại diện ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty có vốn góp của Công ty phù hợp với các quy định tại Điều lệ của công ty có vốn góp và các quy định hiện hành của pháp luật.

12. Phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, các định mức chi phí, tài chính và các định mức khác theo đề nghị của Tổng giám đốc. Quyết định các tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý áp dụng trong Công ty và các đơn vị phụ thuộc theo đề nghị của Tổng giám đốc.

13. Phê duyệt các phương án huy động vốn để hoạt động kinh doanh có giá trị không vượt quá giá trị vốn điều lệ và không làm thay đổi hình thức sở hữu của Công ty.

14. Trình Chủ sở hữu Công ty phê duyệt phương án sử dụng đất đai, tài sản của Công ty để đầu tư, góp vốn với các đối tác trong và ngoài nước để thành lập công ty khác và dự án đầu tư ra nước ngoài của Công ty.

15. Xây dựng phương án tham gia đầu tư góp vốn vào công ty khác hoạt động ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty để trình Chủ sở hữu Công ty quyết định.

16. Đề nghị Chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, xử lý vi phạm kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; cử người tham gia quản lý phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp với đối tác nước ngoài.

17. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, xử lý vi phạm kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Chủ tịch, Giám đốc, Kế toán trưởng công ty TNHH một thành viên trực thuộc; Trưởng các phòng, ban, đơn vị phụ thuộc và tương đương của Công ty; Quyết định cử người tham gia quản lý phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty với đối tác trong nước trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty.

18. Trình Chủ sở hữu Công ty quyết định những vấn đề khác của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ sở hữu Công ty được quy định tại Điều 18 của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

19. Tổ chức kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều 31 Nghị định 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

20. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Đại diện chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do UBND Thành phố quyết định đầu tư và thành lập trực thuộc Công ty được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đó.

21. Các quyền hạn, nghĩa vụ khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và qui định của Chủ sở hữu Công ty.

Điều 24. Chế độ làm việc của Hội đồng thành viên Công ty

1. Hội đồng thành viên Công ty làm việc theo chế độ tập thể, họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên Công ty có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản.

Hội đồng thành viên Công ty có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Công ty trong trường hợp:

- Do Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty hoặc Tổng giám đốc Công ty đề nghị.
- Do 2/3 tổng số thành viên Hội đồng thành viên Công ty đề nghị.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty hoặc thành viên Hội đồng thành viên Công ty được Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty uỷ quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng thành viên Công ty. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên Công ty và các đại biểu được mời dự họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất là 03 ngày làm việc.

3. Các cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên của Hội đồng thành viên Công ty họp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng thành viên Công ty tham dự. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên Công ty được thông qua khi có hơn một nửa số thành viên dự họp chấp thuận; Thành viên Hội đồng thành viên Công ty có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

Khi bàn về nội dung công việc của Công ty có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phải mời đại diện Công đoàn Công ty dự họp. Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết.

4. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định được Hội đồng thành viên Công ty thông qua và kết luận của các cuộc họp của Hội đồng thành viên Công ty phải được ghi thành biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực của biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên Công ty có tính bắt buộc thi hành trong Công ty.

5. Thành viên Hội đồng thành viên Công ty có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Công ty theo nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty. Người được yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp kịp thời đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên Công ty trừ trường hợp Hội đồng thành viên Công ty có quyết định khác.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên Công ty, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên Công ty được quyền tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài Công ty trước khi quyết định

các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên Công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế tài chính của Công ty.

Điều 25. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng thành viên Công ty

Các thành viên Hội đồng thành viên Công ty phải cùng chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty và pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên Công ty nếu gây thiệt hại cho Công ty và Chủ sở hữu Công ty, trừ Thành viên biểu quyết không tán thành quyết định này.

Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng thành viên Công ty

Thực hiện theo qui định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về tiêu chuẩn cán bộ quản lý doanh nghiệp.

Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và thay thế

1. Bổ nhiệm:

Thành viên Hội đồng thành viên Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Công ty. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng thành viên Công ty là 05 năm. Thành viên Hội đồng thành viên Công ty có thể được Chủ sở hữu Công ty xem xét bổ nhiệm lại.

2. Miễn nhiệm:

Thành viên Hội đồng thành viên Công ty bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ do Chủ sở hữu Công ty giao.
- b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế do Điều lệ Công ty quy định; trong trường hợp này Hội đồng thành viên Công ty có quyền đề nghị Chủ sở hữu Công ty bổ sung, thay thế Thành viên Hội đồng thành viên Công ty.
- c) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- d) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác.
- e) Đề Công ty rơi vào một trong các trường hợp sau: thua lỗ liên tiếp trong 02 năm; không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư trong 02 năm hoặc giữa 02 năm có 01 năm lãi hoặc hoà vốn, trừ trường hợp lỗ hoặc giảm sút lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình cụ thể và được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

- g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Thay thế:

Thành viên Hội đồng thành viên được thay thế trong những trường hợp sau:

- a) Xin từ chức.
- b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng thành viên.

1. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

a) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu Công ty đầu tư cho Công ty; quản lý Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

b) Tổ chức nghiên cứu chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư quy mô lớn, phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của Công ty để trình Hội đồng thành viên.

c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên; quyết định chương trình, nội dung họp và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng thành viên.

d) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

e) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên Công ty; có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về quyết định của mình.

f) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, uỷ quyền của Hội đồng thành viên Công ty, Chủ sở hữu Công ty và các quy định của pháp luật.

2. Bổ nhiệm

Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm trong số các Thành viên Hội đồng thành viên.

Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty có thể kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định.

3. Miễn nhiệm, thay thế

Chủ tịch Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại mục 2, 3 Điều 27 của Điều lệ này.

4. Chế độ tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và lợi ích khác

Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty được hưởng chế độ tiền lương tiền thưởng, phụ cấp và lợi ích khác trên cơ sở quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

MỤC II TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 29. Chức năng của Tổng giám đốc Công ty

Tổng giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao được quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc Công ty

1. Xây dựng chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn và hàng năm của Công ty báo cáo Hội đồng thành viên Công ty để trình Chủ sở hữu Công ty phê duyệt; xây dựng Đề án tổ chức quản lý, quy chế quản lý nội bộ, chức năng nhiệm vụ bộ máy giúp việc của Công ty; phương án phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên trình Hội đồng thành viên quyết định theo thẩm quyền trên cơ sở các quy định của pháp luật.

2. Xây dựng phương án huy động vốn; phương án sử dụng vốn, tài sản của Công ty để đầu tư ra ngoài; đầu tư, góp vốn thành lập công ty khác, mua cổ phần hoặc mua lại một công ty khác và các hình thức đầu tư khác báo cáo Hội đồng thành viên Công ty để xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, xử lý vi phạm kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Phó Giám đốc công ty TNHH một thành viên trực thuộc; Phó các phòng, ban, đơn vị phụ thuộc và tương đương của Công ty.

4. Đề nghị Hội đồng thành viên trình Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; cử người tham gia quản lý phần vốn Nhà nước tại công ty có vốn góp với đối tác nước ngoài.

5. Đề nghị Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với Chủ tịch công ty, Giám đốc, Kế toán trưởng công ty TNHH một thành viên trực thuộc Công ty; cử người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác.

6. Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương áp dụng trong Công ty và các đơn vị phụ thuộc phù hợp với các quy định của Nhà nước trình Hội đồng thành viên phê duyệt; kiểm tra việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ Công ty.

7. Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; điều hành hoạt động của Công ty nhằm thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng thành viên và Chủ sở hữu Công ty.

8. Ký kết các hợp đồng dân sự, kinh tế của Công ty. Đối với các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng Giám đốc Công ty quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này thì Tổng giám đốc Công ty chỉ được ký kết sau khi có nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên hoặc cấp có thẩm quyền.

9. Báo cáo Hội đồng thành viên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên được quy định tại Điều 23 Điều lệ này; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Bộ Tài chính.

10. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Chủ sở hữu Công ty, Hội đồng thành viên và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

11. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

12. Được hưởng chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

13. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế

1. Bổ nhiệm

a) Tổng giám đốc Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật; quyết định chế độ tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và giải quyết các quyền lợi khác trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm. Tổng giám đốc Công ty có thể được xem xét bổ nhiệm lại.

b) Người được tuyển chọn là Tổng giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo qui định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về tiêu chuẩn cán bộ quản lý doanh nghiệp.

2. Miễn nhiệm

a) Chủ sở hữu Công ty quyết định việc miễn nhiệm trước thời hạn đối với Tổng giám đốc Công ty trên cơ sở các quy định tại mục b khoản 2 Điều này.

b) Tổng giám đốc Công ty bị miễn nhiệm trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:

- Để Công ty rơi vào một trong các trường hợp sau: thua lỗ liên tiếp trong 02 năm; Công ty xếp loại C trong hai năm liên tiếp; không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư trong 02 năm hoặc giữa 02 năm có 01 năm lãi hoặc hoà vốn, trừ trường hợp lỗ hoặc giảm sút lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình cụ thể và được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

- Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

- Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng thành viên giao;

- Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty từ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty;

- Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Bị toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

- Vi phạm nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Thay thế:

Tổng giám đốc Công ty được thay thế trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin từ chức.

b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

MỤC III

KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 32. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại

Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm ba (03) Kiểm soát viên; nhiệm kỳ không quá (03) năm; Chủ sở hữu Công ty cử một người phụ trách chung để lập kế hoạch công tác, phân công, điều phối công việc của các Kiểm soát viên. Kiểm soát viên có thể được xem xét bổ nhiệm lại.

Điều 33. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm soát viên

1. Nhiệm vụ

a) Kiểm tra tính hợp pháp trung thực, cân trọng của Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu Công ty trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu Công ty hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình Chủ sở hữu Công ty báo cáo thẩm định.

c) Kiến nghị Chủ sở hữu Công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

d) Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, quyết định của Chủ sở hữu Công ty.

2. Quyền hạn

a) Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty. Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền của Chủ sở hữu Công ty, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

b) Kiểm soát viên có quyền sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ do pháp luật và Điều lệ công ty quy định đối với Kiểm soát viên.

Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

2. Điều kiện: Kiểm soát viên không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc là người có liên quan đến người quản lý, điều hành doanh nghiệp gồm:

a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;

b) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp

c) Người quản lý doanh nghiệp.

Điều 35. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên được hưởng thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

MỤC IV

NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc Công ty báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng thành viên phải xem xét đề nghị của Tổng giám đốc Công ty. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng được quyền kiến nghị lên Chủ sở hữu Công ty.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm, Tổng giám đốc Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Hội đồng thành viên.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền tham dự hoặc cử đại diện Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên do Tổng giám đốc Công ty chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện Hội đồng thành viên có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

4. Trường hợp Tổng giám đốc Công ty không là Thành viên Hội đồng thành viên thì được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng thành viên và được quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 37. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty

1. Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, về thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Các Thành viên Hội đồng thành viên phải cùng chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty và pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên (trừ Thành viên biểu quyết không tán thành quyết định này) về kết quả và hiệu quả hoạt động của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc có nghĩa vụ:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nhiệm vụ được giao vì lợi ích của Công ty và của Nhà nước.

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng vốn và tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân và người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty trong thời gian đang thực hiện chức trách là Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc và trong

thời hạn tối thiểu là ba năm sau khi thôi làm Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng thành viên chấp thuận.

c) Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Công ty; hoặc nếu để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, Thủ quỹ tại cùng Công ty, thì phải thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty. Phải thông báo cho người bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty về các hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự của Công ty ký kết với thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty, với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty; trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì Tổng giám đốc Công ty phải báo cáo Hội đồng thành viên, tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính và thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết; Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty không được quyết định tăng tiền lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động.

đ) Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại điểm c khoản này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ.

e) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc Công ty vi phạm Điều lệ, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty và Nhà nước thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Chủ sở hữu Công ty quyết định mức bồi thường.

4. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm:

a) Để Công ty lỗ.

b) Để mất vốn Nhà nước.

c) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư, không trả được nợ.

d) Không bảo đảm tiền lương và các chế độ khác cho người lao động ở Công ty theo quy định của pháp luật về lao động.

e) Để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định.

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng các quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật Doanh nghiệp mà dẫn đến một trong các vi

phạm tại khoản 4 của Điều này thì bị miễn nhiệm; tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp để Công ty lâm vào tình trạng lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được Chủ sở hữu Công ty chấp nhận; đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ thì tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty bị hạ lương hoặc bị cách chức, đồng thời phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng giám đốc Công ty không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng giám đốc Công ty không nộp đơn mà Hội đồng thành viên không yêu cầu Tổng giám đốc Công ty nộp đơn yêu cầu phá sản thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm.

8. Công ty thuộc diện tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty bị miễn nhiệm.

9. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Công ty thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

MỤC V

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 38. Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó Tổng Giám đốc Công ty:

a) Chức năng, nhiệm vụ:

Phó Tổng Giám đốc Công ty là người giúp Tổng Giám đốc Công ty điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công của Tổng Giám đốc.

Phó Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

b) Tiêu chuẩn:

Phó Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm:

- Bổ nhiệm: Phó Tổng Giám đốc Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Công ty. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm.

Phó Tổng Giám đốc Công ty được xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao cho ở nhiệm kỳ trước.

- Miễn nhiệm: Phó Tổng Giám đốc Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Công ty trong các trường hợp sau:

+ Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc vi phạm các quy định về các trường hợp bị miễn nhiệm;

+ Bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, xin từ chức hoặc có quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác, tiết lộ bí mật gây thiệt hại cho Công ty;

+ Không hoàn thành nhiệm vụ tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh do Tổng Giám đốc Công ty phân công dẫn đến Công ty không hoàn thành nhiệm vụ chỉ tiêu phát triển hàng năm mà Công ty đã quyết định;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

d) Quyền lợi:

Phó Tổng giám đốc Công ty được hưởng tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

2. Kế toán trưởng công ty:

a) Chức năng, nhiệm vụ:

Kế toán trưởng Công ty là người giúp Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Công ty quản lý, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn và thực hiện nghiệp vụ về tài chính, kế toán của Công ty theo quy định của pháp luật.

Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

b) Tiêu chuẩn:

Kế toán trưởng Công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm:

- Bổ nhiệm: Kế toán trưởng Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Công ty. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm.

Kế toán trưởng Công ty được xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao cho ở nhiệm kỳ trước.

- Miễn nhiệm: Kế toán trưởng Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Công ty trong các trường hợp sau:

+ Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc vi phạm các quy định về các trường hợp bị miễn nhiệm;

+ Quyết định vượt quá thẩm quyền được quy định trong quy chế tài chính của Công ty và vi phạm các quy định của Nhà nước dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đối với hoạt động tài chính của Công ty;

+ Bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, xin từ chức hoặc có quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

+ Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng quyền hạn để thu lợi bản thân hoặc cho người khác, tiết lộ bí mật gây thiệt hại cho Công ty. Báo

cáo không trung thực tài chính Công ty từ hai (02) lần trở lên hoặc một (01) lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty;

± Không hoàn thành nhiệm vụ do Hội đồng thành viên về Tổng Giám đốc Công ty phân công, dẫn đến Công ty không hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ sở hữu Công ty giao;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

d) Quyền lợi:

Kế toán trưởng Công ty được hưởng tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 39. Điều kiện tham gia quản lý công ty khác của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty không được tham gia kiêm nhiệm giữ các chức danh: Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trực thuộc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty được tham gia quản lý phần vốn của Công ty tại công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Công ty.

3. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Bộ máy giúp việc

1. Các Phòng, Ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các Phòng, Ban chuyên môn, nghiệp vụ được quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Tổng giám đốc Công ty xây dựng trình Hội đồng thành viên phê duyệt, quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc Công ty có quyền đề nghị Hội đồng thành viên thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế số lượng và chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Ban chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và quy định pháp luật. Hội đồng thành viên xem xét, quyết định việc thay đổi do Tổng giám đốc Công ty đề nghị.

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ VỐN VÀ CỬ NGƯỜI ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ PHẦN VỐN ĐẦU TƯ VÀO CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 41. Vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

1. Vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, bao gồm: vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản hữu hình hoặc vô hình thuộc sở hữu của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.
2. Vốn của Chủ sở hữu Công ty đầu tư, góp vào doanh nghiệp khác giao cho Công ty.
3. Giá trị vốn nhà nước đầu tư tại các bộ phận trong Công ty được cổ phần hoá hoặc chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên trở lên.
4. Vốn do Công ty tự vay để đầu tư.
5. Vốn tái đầu tư từ lợi ích được chia.
6. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Quyền, nghĩa vụ của Công ty trong tham gia đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác

1. Công ty là Chủ sở hữu vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.
2. Quyền, nghĩa vụ trong quản lý vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác
 - a) Quyền, nghĩa vụ của Công ty:
 - Quyết định đầu tư, góp vốn, tăng, giảm vốn đầu tư hoặc vốn góp theo quy định của pháp luật liên quan, Điều lệ này và Điều lệ của công ty khác mà Công ty có vốn góp.
 - Quyết định cử, thay đổi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện vốn góp của Công ty tại công ty khác; giới thiệu người đại diện ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty có vốn đầu tư của Công ty phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Công ty và quy định hiện hành.
 - Quyết định giao số vốn đầu tư tương ứng với số phiếu biểu quyết cho từng người đại diện.
 - b) Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty:
 - Quyết định cử, thay đổi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện tại công ty có vốn đầu tư của Công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty.
 - Giao nhiệm vụ và chỉ đạo, yêu cầu người đại diện thực hiện theo các nội dung:
 - + Định hướng thực hiện các mục tiêu và kế hoạch phối hợp đầu tư, sản xuất, kinh doanh đối với công ty có vốn góp của Công ty;
 - + Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả đầu tư, sản xuất, kinh doanh và các nội dung khác;
 - + Báo cáo những vấn đề quan trọng của công ty có vốn góp của Công ty để xin ý kiến trước khi biểu quyết;
 - + Báo cáo việc sử dụng vốn đầu tư, thị trường, bí quyết công nghệ và những vấn đề khác để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty;

- Giải quyết những đề nghị của người đại diện của Công ty tại các công ty có vốn góp của Công ty;

- Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn đầu tư ở các công ty có vốn đầu tư của Công ty. Phần vốn thu về, kể cả lãi được chia phải hạch toán doanh thu theo quy định. Trường hợp tổ chức lại Công ty thì việc quản lý phần vốn đầu tư, cổ phần này thực hiện theo quy định của pháp luật;

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn của Công ty và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty tại công ty có vốn đầu tư của Công ty;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện quản lý phần vốn.

1. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp khác theo Điều lệ của doanh nghiệp này.

2. Khi được ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của Chủ sở hữu vốn.

3. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của luật pháp, Điều lệ doanh nghiệp. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Chủ sở hữu vốn về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác, việc thực hiện các nhiệm vụ của Chủ sở hữu vốn giao.

4. Người đại diện tham gia ban quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Chủ sở hữu phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Đại hội đồng cổ đông hay các thành viên góp vốn hay bên liên doanh như phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức ... người đại diện phải chủ động báo cáo Chủ sở hữu cho ý kiến bằng văn bản, người đại diện có trách nhiệm phát biểu trong cuộc họp và biểu quyết theo ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng quản trị, Ban giám đốc của doanh nghiệp khác thì phải thống nhất thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu vốn.

5. Người đại diện ở doanh nghiệp có vốn góp chi phối phải có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó đi đúng mục tiêu, định hướng của công ty; sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết để quyết định việc bổ sung ngành nghề kinh doanh. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng của công ty phải báo cáo ngay Chủ sở hữu vốn và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi được Chủ sở hữu vốn thông qua cần tổ chức thực hiện ngay để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định.

6. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu vốn về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Chủ sở hữu vốn thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và Chủ sở hữu vốn giao.

Điều 44. Tiêu chuẩn, điều kiện và quyền lợi của người đại diện quản lý phần vốn.

1. Người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp tại công ty có vốn góp của Công ty phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

2. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty được hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 45. Đơn vị phụ thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty

Công ty có các đơn vị phụ thuộc, Công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm phê duyệt Điều lệ (có phụ lục kèm theo).

Điều 46. Quan hệ giữa Công ty với đơn vị phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp

1. Đơn vị sự nghiệp hạch toán kinh tế phụ thuộc thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Công ty quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo chuyển giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài Công ty. Đơn vị sự nghiệp hoạt động theo quy chế do Tổng giám đốc Công ty xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt.

2. Đơn vị phụ thuộc Công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo uỷ quyền của Công ty quy định trong quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc Công ty xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

3. Các đơn vị phụ thuộc Công ty không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn và tài sản của đơn vị phụ thuộc, thuộc sở hữu của Công ty. Việc điều chuyển vốn và tài sản cho các đơn vị phụ thuộc Công ty phải căn cứ vào phương án kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc được Hội đồng thành viên Công ty phê duyệt.

Điều 47. Quan hệ của công ty đối với Công ty TNHH một thành viên do công ty làm đại diện Chủ sở hữu: được quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty TNHH một thành viên do UBND Thành phố quyết định ban hành.

Điều 48. Quan hệ giữa Công ty và Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

1. Công ty cổ phần, công ty TNHH có hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài được thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn tại công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

3. Công ty trực tiếp quản lý vốn góp ở công ty con thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty tại các công ty con (sau đây gọi là người trực tiếp quản lý phần vốn góp).

4. Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối.

b) Yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con.

c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của công ty.

d) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con.

e) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty con.

g) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Quan hệ giữa Công ty với Công ty liên kết

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo Điều lệ của công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.

3. Các quan hệ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con, công ty liên kết

1. Nghĩa vụ:

a) Bảo đảm việc định hướng chiến lược kinh doanh chung của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con phù hợp với Điều lệ của công ty con, công ty liên kết.

b) Phối hợp giữa các công ty trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con để tìm kiếm, cung cấp nguồn đầu vào, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng công ty đơn lẻ không có khả năng thực hiện, thực hiện không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp hơn so với khi có sự phối hợp của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

c) Hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ dẫn đến phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

d) Thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các công ty trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con mở rộng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

e) Thực hiện các quyền chi phối đối với công ty con theo Điều lệ của công ty bị chi phối. Công ty không được lạm dụng quyền chi phối làm tổn hại đến lợi ích

của các công ty con, các chủ nợ, các cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan.

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm:

Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có sự thỏa thuận với công ty con, gây thiệt hại cho công ty và các bên liên quan thì Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các công ty và các bên liên quan:

a) Buộc công ty con phải ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng và bất lợi đối với các đơn vị này.

b) Điều chuyển vốn, tài sản của công ty con gây thiệt hại cho công ty bị điều chuyển, trừ trường hợp: điều chuyển theo phương thức thanh toán; thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

c) Điều chuyển một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi từ công ty con này sang công ty con khác mà không có sự thỏa thuận của công ty bị điều chuyển, dẫn đến công ty bị điều chuyển bị lỗ hoặc lợi nhuận bị giảm sút nghiêm trọng.

d) Quyết định các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đối với các công ty con trái với Điều lệ và pháp luật; giao nhiệm vụ của Công ty cho công ty con, công ty liên kết không dựa trên cơ sở ký kết hợp đồng kinh tế với các công ty này.

e) Buộc công ty con cho Công ty hoặc công ty con khác vay vốn với lãi suất thấp với điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để Công ty, công ty con khác thực hiện các hợp đồng kinh tế có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của công ty con.

g) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 51. Quyền của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức tổ chức sau:

a) Hội nghị công nhân viên chức lao động Công ty.

b) Tổ chức Công đoàn của Công ty.

c) Ban thanh tra nhân dân của Công ty.

d) Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động hoặc đại diện của người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi Tổng giám đốc Công ty quyết định hoặc đề xuất Chủ sở hữu Công ty quyết định các vấn đề sau:

a) Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại lao động của Công ty.

b) Phương án cổ phần hóa, đa dạng hóa hoặc chuyển đổi sở hữu Công ty.

c) Các nội quy, quy chế của Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật.

d) Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động.

e) Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch và Thành viên hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các chức danh quản lý khác khi có yêu cầu.

3. Thông qua Hội nghị công nhân viên chức và tổ chức Công đoàn, người lao động có quyền thảo luận các vấn đề sau đây:

a) Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung thoả ước lao động tập thể; quy chế trả lương, trả thưởng, hệ thống thang bảng lương; được cử người đại diện tập thể người lao động để thương lượng và ký kết Thoả ước lao động tập thể với Tổng giám đốc Công ty.

b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch khác của Công ty có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động phù hợp các quy định của pháp luật.

c) Đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban thanh tra nhân dân Công ty.

d) Bầu thanh tra nhân dân Công ty.

4. Tham gia các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Nghĩa vụ của người lao động

1. Người lao động phải có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động đã ký với Tổng giám đốc Công ty hoặc người được Tổng giám đốc Công ty ủy quyền, thực hiện nội quy lao động, thoả ước lao động tập thể và các quy định khác có liên quan đến lao động, được Hội nghị công nhân viên chức lao động Công ty thông qua.

2. Người lao động phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao.

3. Chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, Thành phố và phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh, phương án sắp xếp lại lao động của Công ty.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động và các quy định hợp pháp của Công ty.

CHƯƠNG VIII QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Điều 53. Cơ chế hoạt động tài chính của Công ty

Cơ chế hoạt động tài chính của Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính đã được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt và các quy định hiện hành của pháp luật.

CHƯƠNG IX

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 54. Tổ chức lại

Các hình thức tổ chức lại Công ty bao gồm: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Việc tổ chức lại Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định hoặc do Hội đồng thành viên Công ty trình Chủ sở hữu Công ty xem xét, quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật.

Điều 55. Chuyển đổi sở hữu Công ty

1. Công ty chuyển đổi sở hữu theo các hình thức sau:

- a) Chủ sở hữu chuyển toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức khác.
- b) Cổ phần hóa toàn bộ hoặc một bộ phận của Công ty.
- c) Bán toàn bộ hoặc một bộ phận của Công ty.
- d) Giao Công ty cho tập thể người lao động.

2. Khi có quyết định chuyển đổi sở hữu, Công ty tiến hành chuyển đổi theo trình tự, thủ tục quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 56. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.
- b) Không thực hiện được nhiệm vụ do Nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết.
- c) Việc tiếp tục duy trì Công ty là không cần thiết.

2. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của Chủ sở hữu Công ty.

Điều 57. Phá sản Công ty

Thực hiện theo quy định của Luật phá sản.

CHƯƠNG X

SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 58. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ Công ty

1. Định kỳ hàng năm Hội đồng thành viên có trách nhiệm báo cáo Chủ sở hữu Công ty và các cơ quan nhà nước liên quan những báo cáo, tài liệu được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp đột xuất Chủ sở hữu Công ty có quyền yêu cầu bằng văn bản Hội đồng thành viên cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền của Chủ sở hữu Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị và báo cáo để Hội đồng thành viên cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty, Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng thành viên được Tổng giám đốc Công ty cung cấp

hồ sơ, tài liệu chuẩn bị cho cuộc họp thường kỳ của Hội đồng thành viên. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên.

4. Tổng giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

5. Người lao động trong Công ty có quyền tìm hiểu thông tin về Công ty thông qua Hội nghị công nhân viên chức và Ban Thanh tra nhân dân của Công ty.

6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Công khai thông tin

1. Tổng giám đốc Công ty là người thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về công khai thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định này. Bộ phận lưu giữ hồ sơ tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng giám đốc Công ty hoặc người được Tổng giám đốc Công ty uỷ quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, Tổng giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

CHƯƠNG XI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ của Công ty hoặc tranh chấp liên quan đến quan hệ giữa Chủ sở hữu Công ty và Công ty, giữa Chủ sở hữu Công ty và Hội đồng thành viên Công ty, giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Công ty, bộ máy giúp việc được căn cứ theo Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Chủ sở hữu Công ty quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên Công ty.

2. Hội đồng thành viên Công ty có quyền đề nghị Chủ sở hữu Công ty về phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

CHƯƠNG XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 62. Hiệu lực và phạm vi thi hành

1. Điều lệ này gồm XII chương và 62 Điều, là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội. Tất cả các cá nhân, các đơn vị phụ thuộc, các đơn vị thành viên của Công ty có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều lệ này thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2008 của UBND thành phố Hà Nội.

3. Các đơn vị phụ thuộc, các công ty con của Công ty căn cứ vào các quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình và Điều lệ này để xây dựng Điều lệ hoặc Quy chế hoạt động của đơn vị không được trái với Điều lệ này, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH 

PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Huy Tường

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

I. CÁC CÔNG TY CON

1. Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 1
2. Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2
3. Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 3
4. Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 4
5. Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 5
6. Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 6

II. CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng công trình Hạ tầng đô thị.
2. Công ty Cổ phần Nước tinh khiết Hà Nội.
3. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nước sạch.

III. CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

1. Nhà máy nước Yên Phụ.
2. Nhà máy nước Ngô Sỹ Liên.
3. Nhà máy nước Mai Dịch.
4. Nhà máy nước Cáo đình.
5. Nhà máy nước Nam Dư.
6. Nhà máy nước Lương Yên.
7. Nhà máy nước Trương Mai.
8. Nhà máy nước Pháp Vân.
9. Nhà máy nước Ngọc Hà.
10. Nhà máy nước Hạ Đình.
11. Nhà máy nước Gia Lâm.
12. Nhà máy nước Bắc Thăng Long.
13. Xí nghiệp Cơ điện Vận tải.
14. Xí nghiệp Vật Tư.
15. Xí nghiệp Đồng Hồ.
16. Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp.
17. Xí nghiệp Tư vấn Khảo sát Thiết kế.
18. Ban Quản lý dự án các Công trình Cấp nước

